

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN HÀNH NGHỀ VÀ BẢO VỆ LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH TUẤN

Công ty Luật TNHH Ngọc Sơn và Partners, Chi nhánh Đồng Nai
Ngoc Son and Partners Law Company Limited, Dong Nai Branch
Email: tuant60@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/6/2026

Ngày sửa bài: 28/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 14/7/2026

Tóm tắt:

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư là điều kiện quan trọng để bảo vệ quyền con người, quyền công dân và quyền tiếp cận công lý. Bài viết phân tích pháp luật Việt Nam về quyền hành nghề, cơ chế bảo vệ luật sư và bảo vệ dữ liệu nghề nghiệp bằng phương pháp phân tích luật học, so sánh pháp luật và tổng hợp tài liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, pháp luật hiện hành đã ghi nhận quyền của luật sư nhưng còn thiếu cơ chế bảo đảm thực hiện quyền, xử lý hành vi cản trở và quản trị dữ liệu nghề nghiệp. Trên cơ sở phân tích pháp luật Việt Nam, Dự thảo Luật Luật sư (sửa đổi) và kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất hoàn thiện cơ chế bảo vệ luật sư, tăng cường vai trò của tổ chức nghề nghiệp và bổ sung quy định về bí mật, dữ liệu nghề nghiệp.

Từ khóa: luật sư, quyền hành nghề luật sư, bảo vệ luật sư, bí mật nghề nghiệp, cải cách tư pháp

Improving the legal framework for safeguarding lawyers' professional rights and protection in Vietnam

Abstract:

In building a rule-of-law state, safeguarding lawyers' professional rights and protection is essential to protecting human rights, citizens' rights, and access to justice. This study examines Vietnamese law on lawyers' professional rights, protection mechanisms, and professional data through doctrinal legal analysis, comparative law, and document synthesis. The findings show that current law recognizes lawyers' rights but lacks effective mechanisms for enforcing them, addressing interference with legal practice, and governing professional data. Drawing on Vietnamese law, the Draft Law on Lawyers (amended), and international experience, the study recommends establishing a unified lawyer-protection mechanism, clarifying responsibility for handling obstruction, strengthening the role of professional organizations, and supplementing regulations on professional confidentiality, digital records, data access, storage, and technology-related professional responsibility.

Keywords: lawyers, lawyers' professional rights, lawyer protection, professional confidentiality, judicial reform

1. Đặt vấn đề

Trong Nhà nước pháp quyền, luật sư giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ quyền con người, quyền công dân và bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Thông qua hoạt động bào chữa, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, luật sư góp phần bảo đảm tính khách quan, công bằng và minh bạch của hoạt động tư pháp. Vì vậy, bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư là yêu cầu quan trọng đối với việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại.

Các nghiên cứu về luật sư ở Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào địa vị pháp lý của luật sư, vai trò của luật sư trong cải cách tư pháp, quyền bào chữa trong tố tụng hình sự và quản lý nghề nghiệp. Một số nghiên cứu đã phân tích yêu cầu hoàn thiện pháp luật về luật sư, nâng cao vai trò của luật sư trong Nhà nước pháp quyền và bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận từ góc độ địa vị pháp lý, tổ chức nghề nghiệp hoặc quyền tham gia tố tụng của luật sư, chưa tập trung nghiên cứu một cách hệ thống cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện quyền hành nghề, cơ chế bảo vệ luật sư khi hoạt động nghề nghiệp bị cản trở và yêu cầu bảo vệ dữ liệu nghề nghiệp trong môi trường số. Vì vậy, khoảng trống nghiên cứu hiện nay không chỉ nằm ở việc tiếp tục hoàn thiện quyền nghề nghiệp của luật sư mà còn ở việc xây dựng cơ chế pháp lý bảo đảm các quyền đó được thực hiện trên thực tế.

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư, đánh giá những khoảng trống pháp lý, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật. Điểm đóng góp của nghiên cứu là đề xuất cách tiếp cận mở rộng nội hàm bảo vệ luật sư, bao gồm bảo vệ tính độc lập nghề nghiệp, bí mật nghề nghiệp, dữ liệu nghề nghiệp và trách nhiệm nghề nghiệp khi sử dụng công nghệ.

2. Cơ sở nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiếp cận vấn đề bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư trên cơ sở mối quan hệ giữa địa vị pháp lý của luật sư, quyền con người và nguyên tắc độc lập nghề nghiệp.

2.1. Cơ sở lý luận về quyền hành nghề và bảo vệ luật sư

Quyền hành nghề luật sư được hiểu là tổng hợp các quyền pháp lý bảo đảm luật sư thực hiện hoạt động tư vấn, đại diện, bào chữa và cung cấp dịch vụ pháp lý một cách độc lập, khách quan và đúng pháp luật. Bảo vệ luật sư là cơ chế bảo đảm điều kiện pháp lý và nghề nghiệp để luật sư thực hiện chức năng xã hội của mình, bao gồm bảo vệ tính độc lập nghề nghiệp, bí mật thông tin khách hàng, điều kiện hành nghề và xử lý hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích luật học để nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý, quyền hành nghề và cơ chế bảo vệ luật sư, tập trung vào Luật Luật sư, pháp luật tố tụng và các quy định có liên quan. Phương pháp so sánh pháp luật được sử dụng để phân tích các cơ chế bảo đảm độc lập nghề nghiệp, bảo vệ bí mật nghề nghiệp và quản trị dữ liệu nghề nghiệp của luật sư tại Đức, Vương quốc Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore, từ đó lựa chọn các giá trị tham khảo phù hợp với điều kiện pháp lý Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

Từ cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu nêu trên, bài viết phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam, đánh giá những hạn chế và khoảng trống pháp lý, đồng thời đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế để làm cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện.

3.1. Thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư

Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012 và pháp luật tố tụng liên quan đã ghi nhận địa vị pháp lý, quyền tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng và các quyền nghề nghiệp khác của luật sư (Quốc hội, 2006, 2012). Tuy nhiên, các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào việc xác lập quyền và

nghĩa vụ mà chưa hình thành cơ chế thống nhất để bảo đảm thực hiện quyền và xử lý hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp.

Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Luật sư cho thấy đội ngũ luật sư và hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý có sự phát triển về số lượng, phạm vi và chất lượng. Đồng thời, quá trình tổng kết cũng cho thấy một số quy định của Luật Luật sư và văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ bất cập, cần tiếp tục được rà soát, sửa đổi và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn (Bộ Tư pháp, 2023).

Theo số liệu được sử dụng trong quá trình xây dựng Dự án Luật Luật sư (sửa đổi), đến ngày 31/12/2025, cả nước có 22.098 luật sư đang hoạt động (Bộ Tư pháp, 2026). Quy mô đội ngũ luật sư ngày càng mở rộng cùng với sự thay đổi về phương thức hành nghề đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền hành nghề, bảo vệ luật sư và bảo mật thông tin nghề nghiệp.

3.2. Đánh giá Hồ sơ dự án Luật Luật sư (sửa đổi) do Bộ Tư pháp công bố năm 2026 về bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư

Qua đối chiếu Hồ sơ dự án Luật Luật sư (sửa đổi), có thể thấy định hướng sửa đổi tiếp tục kế thừa các quy định hiện hành về địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của luật sư, đồng thời hướng đến hoàn thiện các quy định về tổ chức hành nghề, quản lý nghề nghiệp và trách nhiệm của luật sư. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ pháp lý và bảo đảm vai trò của luật sư trong bảo vệ quyền con người, quyền công dân và quyền tiếp cận công lý.

Tuy nhiên, xét riêng từ góc độ bảo đảm quyền hành nghề, Hồ sơ dự án chưa cho thấy một cơ chế pháp lý thống nhất để xử lý trường hợp quyền hành nghề của luật sư bị cản trở. Các vấn đề như xác định hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp, chủ thể có trách nhiệm bảo vệ, quyền yêu cầu bảo vệ của luật sư, trình tự tiếp nhận và giải quyết yêu cầu, cũng như trách nhiệm xử lý hành vi vi phạm cần tiếp tục được làm rõ trong quá trình hoàn thiện dự thảo. Việc chưa hình thành một cơ chế thống nhất có thể làm cho việc bảo vệ quyền hành nghề tiếp tục phụ thuộc vào các cơ chế pháp lý chung, trong khi đặc thù của hoạt động luật sư đòi hỏi cơ chế bảo vệ phù hợp với yêu cầu độc lập nghề nghiệp.

Đối với bí mật và dữ liệu nghề nghiệp, Hồ sơ dự án cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật để phù hợp với sự thay đổi của phương thức hành nghề trong môi trường số. Hoạt động luật sư ngày càng gắn với hồ sơ điện tử, trao đổi thông tin trực tuyến và các công cụ công nghệ hỗ trợ nghiên cứu, quản lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ pháp lý. Vì vậy, bên cạnh nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, cần xác định rõ hơn trách nhiệm của luật sư và tổ chức hành nghề luật sư trong việc quản lý, lưu trữ, kiểm soát truy cập, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu phát sinh trong quá trình hành nghề.

3.3. Những hạn chế và khoảng trống pháp lý trong bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư ở Việt Nam

Pháp luật Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể trong việc ghi nhận địa vị pháp lý của luật sư. Tuy nhiên, giữa yêu cầu của hoạt động hành nghề hiện nay và khả năng đáp ứng của pháp luật vẫn tồn tại một số khoảng trống cần tiếp tục hoàn thiện.

Thứ nhất, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền hành nghề luật sư chưa được xây dựng theo hướng thống nhất. Pháp luật hiện hành ghi nhận nhiều quyền nghề nghiệp của luật sư trong các lĩnh vực khác nhau nhưng còn phân tán trong nhiều văn bản, chưa hình thành cơ chế chung xác định trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong việc bảo đảm thực hiện quyền hành nghề.

Thứ hai, pháp luật chưa hình thành chế định bảo vệ luật sư với tính chất là một cơ chế pháp lý độc lập. Khi luật sư bị cản trở hoạt động nghề nghiệp, việc xử lý hiện chủ yếu dựa trên các cơ chế pháp lý chung, chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của nghề luật sư, đặc biệt là yêu cầu bảo đảm tính độc lập nghề nghiệp.

Thứ ba, pháp luật chưa theo kịp yêu cầu bảo vệ luật sư trong môi trường số. Chuyển đổi số làm thay đổi phương thức hành nghề thông qua hồ sơ điện tử, trao đổi thông tin trực tuyến và các công cụ hỗ trợ bằng trí tuệ nhân tạo, đồng thời làm phát sinh rủi ro liên quan đến bảo mật dữ liệu và trách nhiệm nghề nghiệp.

Dữ liệu nghề nghiệp của luật sư chứa thông tin khách hàng, hồ sơ vụ việc và chiến lược pháp lý nên cần được xem xét như một bộ phận của cơ chế bảo vệ nghề nghiệp, đồng thời được phân biệt với cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung.

3.4. Kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư, giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế được lựa chọn theo 3 tiêu chí gồm hệ thống pháp luật luật sư phát triển, cơ chế bảo đảm độc lập nghề nghiệp và kinh nghiệm bảo vệ thông tin nghề nghiệp. Đức được nghiên cứu về độc lập nghề nghiệp và vai trò tổ chức luật sư; Vương quốc Anh về cơ chế bảo vệ bí mật thông tin giữa luật sư và khách hàng; Nhật Bản và Hàn Quốc về mô hình tổ chức nghề nghiệp; Singapore về bảo vệ dữ liệu và bảo mật trong hoạt động pháp lý.

3.4.1. Bảo đảm tính độc lập nghề nghiệp và vai trò của tổ chức nghề nghiệp luật sư

Tính độc lập nghề nghiệp là nền tảng của cơ chế bảo vệ luật sư. Nguyên tắc này được bảo đảm thông qua vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp trong quản lý nghề nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của luật sư và duy trì chuẩn mực nghề nghiệp.

Tại Đức, nguyên tắc độc lập nghề nghiệp của luật sư được bảo đảm thông qua vị trí pháp lý của luật sư và vai trò của tổ chức nghề nghiệp trong quản lý, bảo vệ quyền lợi thành viên. Tại Nhật Bản và Hàn Quốc, cơ chế tự quản nghề nghiệp thông qua Liên đoàn Luật sư Nhật Bản và Hội Luật sư Hàn Quốc thể hiện vai trò của tổ chức nghề nghiệp trong xây dựng chuẩn mực đạo đức, giám sát hành nghề và hỗ trợ bảo vệ luật sư (Bundesrechtsanwaltskammer, n.d.; (Japan Federation of Bar Associations, 2023); Korean Bar Association, 2025).

Đối với Việt Nam, Luật Luật sư đã ghi nhận vai trò của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các Đoàn luật sư trong quản lý nghề nghiệp, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư. Tuy nhiên, cơ chế pháp lý hiện hành chưa xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và trình tự để các tổ chức này tham gia bảo vệ luật sư khi quyền hành nghề bị hạn chế hoặc bị xâm phạm.

3.4.2. Bảo vệ bí mật nghề nghiệp và quyền tiếp cận thông tin

Bí mật nghề nghiệp là nền tảng của quan hệ giữa luật sư và khách hàng, bởi việc cung cấp dịch vụ pháp lý đòi hỏi khách hàng có khả năng trao đổi thông tin đầy đủ và được bảo vệ. Trong pháp luật Anh, Legal Professional Privilege là nguyên tắc của common law bảo vệ một số trao đổi giữa khách hàng và người hành nghề pháp lý khỏi việc buộc phải tiết lộ. Cơ chế này bao gồm legal advice privilege đối với trao đổi bảo mật nhằm mục đích nhận hoặc cung cấp tư vấn pháp lý và litigation privilege đối với trao đổi hoặc tài liệu được tạo lập nhằm mục đích chính yếu phục vụ tố tụng. Quyền hưởng đặc quyền thuộc về khách hàng và có thể được từ bỏ bởi khách hàng trong những điều kiện phù hợp (HM Revenue & Customs, 2026).

Đối với Việt Nam, bí mật nghề nghiệp hiện chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Tuy nhiên, cần xem xét bí mật nghề nghiệp đồng thời dưới góc độ quyền nghề nghiệp gắn với quan hệ luật sư và khách hàng, chiến lược pháp lý và yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Nội dung này cần được phân biệt với bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung vì dữ liệu nghề nghiệp của luật sư có đặc thù gắn trực tiếp với hoạt động tư vấn, đại diện và tố tụng.

3.4.3. Bảo vệ luật sư trong môi trường số và quản trị dữ liệu nghề nghiệp

Sự phát triển của công nghệ số đang làm thay đổi phương thức tổ chức và thực hiện hoạt động hành nghề luật sư. Hồ sơ điện tử, nền tảng trao đổi trực tuyến và các công cụ hỗ trợ bằng trí tuệ nhân tạo được sử dụng trong nghiên cứu pháp lý, quản lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ pháp lý. Điều này đồng thời làm phát sinh rủi ro liên quan đến bảo mật thông tin khách hàng, kiểm soát quyền truy cập dữ liệu và trách nhiệm nghề nghiệp khi sử dụng công nghệ.

Singapore yêu cầu các tổ chức hành nghề luật chú trọng bảo vệ thông tin, an ninh mạng và kiểm soát rủi

ro công nghệ, qua đó gợi mở yêu cầu phân loại dữ liệu, kiểm soát truy cập và xử lý sự cố trong bảo vệ dữ liệu nghề nghiệp (Law Society of Singapore, 2024). Bên cạnh yêu cầu bảo vệ dữ liệu, việc sử dụng công nghệ trong hoạt động pháp lý còn đặt ra yêu cầu kiểm soát rủi ro nghề nghiệp. Khuyến nghị của Law Society of Singapore về sử dụng các công cụ AI công khai năm 2026 lưu ý rằng việc sử dụng các công cụ này trong công việc pháp lý có thể làm phát sinh nguy cơ vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng và các nghĩa vụ nghề nghiệp khác của luật sư. Law Society of Singapore khuyến nghị luật sư không đưa dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin có tính chất đặc quyền, độc quyền, bí mật hoặc chứa dữ liệu cá nhân vào các công cụ AI công khai, đồng thời phải kiểm tra điều khoản sử dụng, cài đặt bảo mật và khả năng lưu giữ hoặc sử dụng dữ liệu đầu vào của công cụ (Law Society of Singapore, 2026). Do đó, việc ứng dụng AI trong hành nghề cần gắn với kiểm soát dữ liệu đầu vào, đánh giá điều kiện sử dụng công cụ và kiểm tra kết quả đầu ra. Trách nhiệm nghề nghiệp đối với thông tin được xử lý bằng công nghệ vẫn thuộc về luật sư và tổ chức hành nghề luật sư (Law Society of Singapore, 2026).

Đối với Việt Nam, yêu cầu bảo vệ luật sư trong môi trường số cần được xem xét trên cơ sở phân biệt giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung và bảo vệ dữ liệu nghề nghiệp. Dữ liệu nghề nghiệp gắn với bí mật khách hàng, hồ sơ vụ việc và chiến lược pháp lý nên cần có cơ chế bảo vệ phù hợp trong pháp luật về luật sư. Khi sử dụng trí tuệ nhân tạo, trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư cũng cần được đặt ra nhằm kiểm soát tính chính xác, an toàn và bảo mật của thông tin được xử lý.

3.5. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư ở Việt Nam

Pháp luật về luật sư cần chuyển từ việc chủ yếu ghi nhận quyền hành nghề sang thiết lập cơ chế bảo đảm thực hiện quyền, bảo vệ luật sư khi hoạt động nghề nghiệp bị cản trở và đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật, dữ liệu nghề nghiệp trong môi trường số. Việc hoàn thiện cần được thực hiện đồng bộ giữa Luật Luật sư, pháp luật tố tụng và các quy định có liên quan, bảo đảm quyền hành nghề được thực hiện thực chất nhưng không làm hạn chế trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư.

3.5.1. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền hành nghề và bảo vệ luật sư

Luật Luật sư sửa đổi cần bổ sung một cơ chế pháp lý thống nhất về bảo vệ luật sư khi quyền hành nghề bị cản trở. Cơ chế này cần xác định rõ hành vi cản trở, chủ thể có trách nhiệm bảo vệ, quyền yêu cầu bảo vệ của luật sư, trình tự tiếp nhận và giải quyết yêu cầu, thời hạn xử lý và trách nhiệm đối với hành vi vi phạm.

Về hành vi cản trở, pháp luật cần xác định các hành vi xâm phạm trực tiếp đến việc thực hiện quyền hành nghề, như từ chối trái pháp luật quyền tham gia tố tụng, hạn chế trái pháp luật quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, gây khó khăn trong việc gặp hoặc trao đổi với khách hàng, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng hoặc tác động trái pháp luật làm ảnh hưởng đến tính độc lập nghề nghiệp của luật sư. Việc xác định hành vi cản trở cần gắn với căn cứ pháp luật và phạm vi quyền nghề nghiệp được luật sư thực hiện, tránh mở rộng cơ chế bảo vệ đối với những trường hợp hạn chế quyền có căn cứ pháp luật.

Về chủ thể có trách nhiệm, cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phải có trách nhiệm tôn trọng và bảo đảm quyền hành nghề hợp pháp của luật sư. Đối với hoạt động tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để luật sư thực hiện quyền tham gia tố tụng, tiếp cận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ và thực hiện các quyền khác theo quy định pháp luật. Trường hợp hạn chế quyền nghề nghiệp của luật sư phải có căn cứ pháp lý và được giải thích rõ.

Về thủ tục bảo vệ, luật sư cần có quyền gửi yêu cầu bảo vệ đến cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua tổ chức xã hội nghề nghiệp. Cơ quan tiếp nhận phải ghi nhận, xem xét, giải quyết và thông báo kết quả trong thời hạn luật định. Đối với hành vi vi phạm, cần xác định trách nhiệm hành chính, kỷ luật hoặc trách nhiệm pháp lý khác tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi. Cơ chế này nhằm bảo đảm điều kiện để luật sư thực hiện chức năng xã hội, đồng thời không tạo đặc quyền nghề nghiệp hoặc cản trở hoạt động quản lý, tố tụng hợp pháp.

3.5.2. Tăng cường vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp luật sư trong bảo vệ quyền hành nghề

Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các Đoàn luật sư cần được xác định rõ hơn là chủ thể hỗ trợ trong cơ chế bảo vệ quyền hành nghề. Luật Luật sư sửa đổi cần quy định quyền và trách nhiệm của các tổ chức này trong việc tiếp nhận phản ánh của luật sư, hỗ trợ xác định nội dung quyền nghề nghiệp bị xâm phạm, hỗ trợ luật sư thực hiện yêu cầu bảo vệ, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét và xử lý hành vi vi phạm, đồng thời tổng hợp những vấn đề phát sinh trong thực tiễn để kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

3.5.3. Bảo vệ bí mật nghề nghiệp và dữ liệu nghề nghiệp trong môi trường số

Luật Luật sư sửa đổi cần bổ sung quy định về quản trị dữ liệu nghề nghiệp đối với luật sư và tổ chức hành nghề luật sư. Nội dung quản trị cần bao gồm phân loại dữ liệu, xác định quyền truy cập, bảo mật thông tin, lưu trữ, sử dụng, chia sẻ dữ liệu và xử lý sự cố. Các yêu cầu này cần được thiết kế phù hợp với quy định chung về bảo vệ dữ liệu, đồng thời phản ánh đặc thù của dữ liệu phát sinh trong hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý.

Bí mật nghề nghiệp cần được phân biệt với bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung. Dữ liệu nghề nghiệp có thể bao gồm thông tin khách hàng, hồ sơ vụ việc, tài liệu trao đổi, ý kiến tư vấn và chiến lược pháp lý. Vì vậy, cơ chế bảo vệ cần hướng đến cả quyền lợi của khách hàng và tính độc lập nghề nghiệp của luật sư. Khi sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc công cụ công nghệ khác trong nghiên cứu, quản lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ pháp lý, luật sư phải kiểm tra kết quả, kiểm soát việc cung cấp dữ liệu đầu vào và bảo đảm không làm lộ thông tin thuộc bí mật nghề nghiệp. Tổ chức hành nghề luật sư đồng thời cần có quy trình nội bộ về phân quyền, kiểm soát truy cập và xử lý sự cố để hạn chế rủi ro đối với dữ liệu nghề nghiệp.

4. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, pháp luật Việt Nam đã từng bước xác lập địa vị pháp lý và ghi nhận các quyền nghề nghiệp cơ bản của luật sư. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào việc xác định quyền và nghĩa vụ nghề nghiệp mà chưa hình thành đầy đủ cơ chế bảo đảm thực hiện quyền hành nghề, bảo vệ luật sư khi hoạt động nghề nghiệp bị cản trở và bảo vệ dữ liệu nghề nghiệp trong môi trường số ■

Nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ pháp lý và so sánh, do đó cần tiếp tục bổ sung khảo sát thực tiễn trong các nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Tư pháp. (2023). Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Luật sư.
- Bộ Tư pháp. (2026). Hồ sơ dự án Luật Luật sư (sửa đổi). Bộ Tư pháp.
- Quốc hội. (2006). Luật Luật sư số 65/2006/QH11, ngày 29/6/2006.
- Quốc hội. (2012). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13, ngày 20/11/2012.
- Bundesrechtsanwaltskammer. (n.d.). About the German Federal Bar (BRAK). <https://www.brak.de/english?>
- HM Revenue & Customs. (2026). Legal professional privilege.
- Japan Federation of Bar Associations. (2023). White paper on attorneys. <https://www.nichibenren.or.jp/library/en/about/data/WhitePaper2023.pdf?>
- Korean Bar Association. (2025). Statement: Call to reduce new attorneys and reform selection process. <https://www.koreanbar.or.kr/eng/pages/news/view.asp?page=1&seq=14515&types=201>
- Law Society of Singapore. (2024). Guide to cybersecurity for law practices. <https://www.lawsociety.org.sg/wp-content/uploads/2020/03/Guide-to-Cybersecurity.pdf?>
- Law Society of Singapore. (2026). Law Society's advisory on the use of publicly available AI tools. <https://www.lawsociety.org.sg/wp-content/uploads/2026/04/Law-Societys-Advisory-on-the-Use-of-Publicly-Available-AI-Tools-2-April-2026.pdf?>